

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

NGƯỜI TA CẦN TRIẾT HỌC ĐỂ LÀM GÌ?

NGUYỄN THUÝ VÂN(*)

Bài viết đề cập đến một vấn đề tuy không mới nhưng cũng không dễ có câu trả lời, đó là vấn đề “người ta cần triết học để làm gì?”. Trên cơ sở phân tích những vấn đề liên quan đến câu hỏi trên, tác giả cho rằng, chính nội dung của những tri thức triết học và chỉ có nó mới làm sản sinh trong năng lực nhận thức của con người cách suy nghĩ và hành động phù hợp với hiện thực được phản ánh. Đó là lý do người ta cần đến triết học.



hật ra, câu hỏi “người ta cần triết học để làm gì?” dường như đã được trả lời ngay từ khi triết học chưa tồn tại với tư cách một khoa học. Sự ra đời và phát triển của tư duy triết học thời cổ đại là một minh chứng khách quan và không thể bác bỏ về tính tất yếu cần thiết của trình độ tư duy trừu tượng khi con người nhận thức và hoạt động thực tiễn, mặc dù vào thời điểm đó, không phải mọi tồn tại đều có thể được giải thích và chứng minh bằng những dữ liệu khoa học xác đáng. Trải qua các giai đoạn phát triển của khoa học và lịch sử tư tưởng, vai trò của triết học cũng trải qua những thăng trầm mà việc lý giải nó đến nay vẫn còn nhiều tranh cãi.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, việc tìm ra “sự cân bằng giữa cơ hội và nguy cơ” [Thomas L.Friedman] đang là một vấn đề cấp thiết và triết học là một trong những khoa học phải góp phần tìm ra sự cân bằng đó. Đó cũng là lúc người ta trở lại để luận bàn về vai trò của triết học.

Người ta vẫn thường tự hỏi, trong tính phức tạp và vận động khôn cùng của hiện thực, cái gì là đối tượng nghiên cứu của triết học và từ đó, làm rõ vai trò của triết

học. Những quan điểm triết học căn bản và phổ biến cho đến nay vẫn cho rằng, khác với các khoa học khác, triết học nghiên cứu và giải thích thế giới trong tính chỉnh thể, tính hệ thống của nó. Đây là điểm mạnh nhưng cũng là yếu tố khiến người ta xem nhẹ vai trò của triết học, bởi họ quan niệm rằng nghiên cứu cái chung thường là trừu tượng, không cụ thể và vì thế, không thiết thực(1). Cái mà người ta cần là tính hiệu quả và thiết thực trong hoạt động thực tiễn với đối tượng; bởi, xét đến cùng, đó là mục đích của nhận thức.

Vậy, thực chất triết học có vai trò như thế nào trong đời sống con người hay nói cách khác, **người ta cần gì ở triết học?**

Theo tôi, có 2 lý do khiến người ta cần đến triết học.

Thứ nhất, triết học cung cấp cho con người năng lực tư duy trừu tượng trong hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới.

Với nội dung thứ nhất này, có thể có người sẽ hỏi ngay, phải chăng chỉ có triết học mới có thể cung cấp cho con người khả

(*) Tiến sĩ, Chủ nhiệm Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) Xem: Lê Hữu Tăng. *Triết học có thể đóng vai trò gì trong cuộc sống*. Tạp chí Triết học, số 6, 2006, tr.27.

năng tư duy trừu tượng, hay có một năng lực tư duy trừu tượng của riêng khoa học triết học? Năng lực tư duy trừu tượng đó là gì? Trước khi đưa ra quan niệm và lời giải đáp, chúng ta thử khảo sát khả năng nhận thức của con người trong lịch sử phát triển của nhận thức.

Ở thời cổ đại, trong bối cảnh kinh tế - xã hội còn thấp kém, lạc hậu, sự phát triển của tri thức một phần dựa vào sự quan sát trực quan và phần khác vào những phỏng đoán thiên tài trên cơ sở của trí tuệ sơ khai cũng như khát vọng xem xét thế giới trong tính chỉnh thể của nó. Ngay từ thời đó, cái mà khoa học triết học hướng tới và nhờ đó, vượt ra khỏi các khoa học khác chính là nhu cầu tìm ra quy luật chi phối tính chỉnh thể trong sự tồn tại hỗn mang của thế giới cả trong thực tiễn lẫn sự tác động của nó vào nhận thức. Để làm được điều đó, rõ ràng tri thức triết học, *một mặt*, phải dựa vào kết quả nghiên cứu của các khoa học cụ thể; *mặt khác*, trên nền tảng của những tri thức của các khoa học cụ thể, nó phải đưa ra sự luận giải của mình trước những vấn đề mà đời sống con người đặt ra. Vậy là, ngay từ thời đó, một nghịch lý trong nhận thức triết học đã được đặt ra và tồn tại cho đến tận ngày nay. Đó là, triết học không giải quyết các vấn đề của khoa học cụ thể, nhưng sự phát triển của khoa học triết học, ngoài lý do nội tại của chính khoa học đó còn có nguyên nhân căn bản và là hệ quả của việc giải quyết các bế tắc của khoa học cụ thể. Vì thế, các quan niệm của triết học ở tầng bậc phổ quát nhất luôn là con đường và chìa khoá cho các khoa học cụ thể dựa vào, vận dụng nhằm vượt lên và phát triển.

Đến thời cận đại, đã có lúc người ta hoài nghi về tính cần thiết của một năng lực tư duy trừu tượng triết học, bởi sự phát triển của các khoa học cụ thể thời kỳ này, đặc biệt là khoa học tự nhiên, tự nó đã đem đến

một khả năng tư duy có thể thấu tóm sự phát triển của hiện thực trong tâm kiếm soát của nhận thức con người. Cách tiếp cận phân tích thế giới thành những bộ phận được chia nhỏ ra trong tính hệ thống, xem xét nó ở trạng thái cụ thể và tĩnh tại giúp người ta có thể nghiên cứu các thành phần của thế giới một cách chi tiết, nhờ đó có sự lý giải về sự tồn tại và phát triển của đối tượng một cách chính xác. Việc nhận thức cơ thể sống, hay sự vận động của một nền kinh tế, hay hoạt động của một bộ máy quản lý, bộ máy hành chính... như một "cỗ máy" không phải không có lý và không chính xác trong những trạng thái xác định của nó. Người ta thường nói cách tư duy này không đem lại cho nhận thức của con người cách nhìn tổng thể về thế giới trong sự vận động, biến đổi, phát triển. Nhưng theo tôi, chính việc cố tìm kiếm những mô hình chung được coi là xác định một cách tương đối, không thay đổi về chất trong từng đối tượng, từng trạng thái riêng lẻ của đối tượng hay cả trong quá trình phát triển của đối tượng chỉ là một cách tiếp cận khác về chính đối tượng và về căn bản, nó cũng cho ta những hiểu biết đúng đắn về đối tượng không khác lắm so với cách nhìn nhận thế giới trong sự vận động, phát triển. Bởi, sự vận động không thể là những vận động chung chung, trừu tượng, mà chính là sự vận động từ những trạng thái xác định tương đối này của đối tượng tới những trạng thái xác định tương đối khác của nó.

Dường như sự phát triển của đối tượng trong thế giới đương đại cũng như những nhận thức ngày càng sáng tỏ về chúng không trái lắm với khuynh hướng tư duy thời kỳ này, bởi thế giới có biến động và phát triển không ngừng thì vẫn nằm trong lòng một hệ thống tĩnh tại rộng lớn hơn so với cái mà chúng ta đã nhận thức được. Với

cách tiếp cận này, tư duy “siêu hình” không còn ở trạng thái luôn là cái đối lập, cái phản tích cực so với tư duy biện chứng, mà nó chính là phương pháp sẽ làm sâu sắc và đúng đắn hơn những nhận thức biện chứng từ cách nhìn đúng đắn từng bộ phận. Khi tư duy đã vượt qua những quan sát và mô tả giản đơn để vươn tới khả năng có thể “mô hình hoá”, “sơ đồ hoá” thế giới trong tính chỉnh thể, nó là một cách đặt vấn đề ***mang tính phát triển***. Bởi lẽ, chính việc đơn giản hoá các vấn đề phức tạp thông qua các mô hình để nhận thức đúng chúng là phương án khả thi nhất cho đến thời điểm này.

Quan niệm này càng tỏ ra có lý hơn khi bước vào thời kỳ hiện đại, các nhà khoa học nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã từng nhận định rằng, dường như họ đang dần nhận thức ra cái tuyệt đối tận cùng của hiện thực qua những phát minh khoa học của thế kỷ: “Vật lý học đã và đang tìm kiếm được những lý thuyết đầy thuyết phục nhằm thống nhất những quy luật vật lý quản lý toàn vũ trụ. Sinh học đã xây dựng được bản đồ gen con người. Y học có khả năng thay thế tạo hoá bằng cách nhân bản chính bản thân con người. Công nghệ nano (công nghệ mà độ chính xác đạt tới mức một phần tỷ mét) có lẽ sẽ tạo được những rôbot nguyên tử tự phân chia và làm được mọi thứ, từ khai thông mạch máu tới diệt tế bào ung thư, từ đảo ngược quá trình trái đất nóng lên tới chữa lành mọi bệnh tật. Máy tính từng vượt Kasparov, người được coi là kỳ thủ vĩ đại nhất mọi thời đại trong trò chơi trí tuệ. Với tốc độ phát triển mạnh mẽ như hiện nay, có lẽ ngày mà các rôbot có khả năng trừu tượng hoá và khái quát hoá cũng không còn xa nữa. Với những thành tựu mà một thế kỷ trước con người có nằm mơ cũng không thể tưởng tượng ra, phải chăng tư duy của con

người có khả năng khám phá mọi bí ẩn của tự nhiên, nó đã chạm tới ngưỡng như thuyết quyết định luận của Laplace từng tin tưởng 200 năm trước đây”(2).

Mọi sự vận động của thế giới đến lúc này vẫn nằm trong tầm kiểm soát của nhận thức và hoàn toàn được chấp nhận. Nhưng cũng ngay chính thời điểm đó với dự cảm được coi như một sự lưu ý, các nhà khoa học cũng đã xác định rằng, quan niệm này sẽ lập tức trở thành sai lầm khi không ý thức được rằng mọi sự khái quát về mặt hình thức chỉ luôn là gần đúng (mặc dù nhận thức cũng chính là như vậy) và đừng hy vọng vào khả năng có thể hình thức hoá khoa học một cách triệt để nhất tất cả các hiện tượng của đời sống.

Đúng vào lúc mà những suy tư của con người tưởng như đã chạm tới chân lý tuyệt đối thì một hiện thực mới lại mở ra, gần như làm đảo lộn tất cả những tri thức từng được coi là đúng đắn, được tích lũy và kiểm chứng qua nhiều thế kỷ, cái từng chứng tỏ khả năng chinh phục thế giới của con người thông qua những thành tựu của các khoa học cụ thể:

“Thuyết tương đối của Anhtan cho rằng vật chất, năng lượng, không gian và thời gian - những yếu tố căn bản nhất của vũ trụ - không phải là tuyệt đối. Nguyên lý bất định cảnh báo rằng dù có cố gắng đến đâu, bất luận các lý thuyết của chúng ta khôn ngoan thế nào, các đo đạc cẩn thận và máy tính có tinh vi đến đâu thì tương lai của thế giới vẫn luôn là không thể dự đoán được. Định lý bất toàn nói nhận thức lôgic là không hoàn thiện bởi trong một hệ tiên đề hình thức bất kỳ, như toán học hiện hành, luôn tồn tại những bài toán mà ta không thể thừa nhận hay bác bỏ chỉ trên

(2) Đỗ Kiên Cường. *Giới hạn của nhận thức*. Tạp chí Tia sáng. <http://chúng ta - nhận thức. suy ngẫm..>

các hệ tiên đề đã cho. Nói cách khác, một hệ thống logic bất kỳ không thể tự hiểu bản thân mình mà cần có một hệ tiên đề bao quát hơn để giải thích nó. Đến lượt mình, hệ tiên đề đó lại cần một hệ tiên đề bao quát hơn. Và quá trình cứ lặp lại mãi như thế. Tương tự như vậy, bộ não không thể tự hiểu bản thân và trí tuệ nhân tạo không thể vượt trí tuệ tự nhiên của con người”(3). Điều này cho thấy, hoá ra mọi nhận thức của chúng ta về thế giới vẫn chỉ là **thế giới được nhận thức**, còn sự tồn tại thực sự của thế giới là gì thì câu trả lời cuối cùng vẫn chưa có lời giải đáp, mặc dù về mặt lý thuyết của các nhà khả tri, sớm muộn gì cũng sẽ có lời giải.

Sự thật này dường như đặt con người trở lại xuất phát điểm của quá trình nhận thức về thế giới với câu hỏi không biết bao giờ mới được giải đáp: **thế giới có phải như chúng ta đang nghĩ?** Hơn lúc nào hết, đây là lúc quan niệm về “vật tự nó” của Cantor cần phải được xem xét lại một cách thấu đáo hơn, bởi nếu không thì ranh giới giữa quan niệm “không thể nhận thức được” với quan niệm “có thể nhận thức được, chỉ có điều bao giờ nhận thức được mà thôi” sẽ rất khó tách biệt về bản chất.

Thế giới càng vận động, biến đổi, nhận thức con người ngày càng tiến sâu hơn vào các tầng bậc bản chất khác nhau trong quá trình nhận thức thế giới thì con người dường như ngày càng phải đối mặt nhiều hơn với những nghịch lý không chỉ tồn tại trong nhận thức, mà tồn tại cả trong chính hiện thực được phản ánh. Hơn lúc nào hết, con người cảm thấy hoang mang, lúng túng, thậm chí là khủng hoảng, bởi không thể lý giải những hiện tượng đang xảy ra trên nền tảng của toàn bộ những tri thức đã được nhận thức trước đó. Những thành tựu của các ngành khoa học cụ thể và phương pháp tư duy thống trị nó: phương

pháp tư duy siêu hình thời cận đại chấp nhận sự vượt bỏ bởi chân lý nằm ở chính những nguyên lý nền tảng của nó - tri thức chỉ trở thành lý thuyết khoa học khi nó có thể chứng minh được và người ta có thể dùng nó để luận giải các hiện tượng đã và đang diễn ra trong hiện thực.

Như vậy, khi thế giới ngày càng “phẳng” ra, khi những chân lý ngày càng bị phủ định một cách nhanh chóng hơn, khi con người đang ngày càng hoang mang hơn do chính những điều mà mình tạo ra cũng như những điều mà mình chưa biết hoặc biết mà không đúng, khi mà kết quả nghiên cứu của tất cả các ngành khoa học cộng lại cũng không đem lại cho người ta lời giải thích xác đáng cho các sự kiện..., thì cũng là lúc người ta ý thức một cách rõ nét nhất **tâm quan trọng của năng lực tư duy trừu tượng, cái không thể có giống nhau ở tất cả mọi người, nhưng lại không thể thiếu nếu muốn suy nghĩ và hành động đúng**. Bởi lẽ, theo cách giải thích của một số nhà tư tưởng, chính sự “bất hoà” về mặt nhận thức là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến những biến động xã hội và do đó, tác động cả vào tự nhiên. “Tất cả những khám phá đó lại khiến chúng ta phải đối mặt với 2 vấn đề của triết học tưởng như đã được giải quyết từ rất lâu. Đó là bản thể luận và nhận thức luận: **bản chất của hiện thực là gì và chúng ta nhận thức nó như thế nào?**”(4).

Sự thất bại này của phương pháp nhận thức siêu hình không phải do tính hạn chế của phương pháp tư duy siêu hình (điều mà lâu nay người ta vẫn thường nói), bởi phương pháp đó là phương pháp nhận thức duy nhất đúng khi cần nhận thức đối tượng

(3) Đỗ Kiên Cường. *Giới hạn của nhận thức*. Tài liệu đã dẫn.

(4) Đỗ Kiên Cường. *Giới hạn của nhận thức*. Tài liệu đã dẫn.

ở trạng thái xác định (cũng có quan niệm cho rằng cần phân biệt phương pháp tư duy siêu hình với phương pháp tư duy hình thức). Sự thất bại nằm ở chỗ, *người ta đã tưởng rằng có thể dùng các phương pháp cụ thể để giải thích các vấn đề không cụ thể* (các vấn đề trong tính hệ thống và tính chỉnh thể). Điều này nói lên một sự thật hiển nhiên là, *không thể lấy phương pháp nhận thức của các khoa học cụ thể thay cho phương pháp nhận thức triết học*. Sự phát triển của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin dù có hoàn hảo đến đâu cũng không thể thay thế khả năng trừu tượng và khái quát của trí tuệ con người trong hoạt động nhận thức, bởi công cụ nhận thức không thể thay thế cho chính quá trình nhận thức.

Quá trình phát triển của nhận thức cho đến nay, một lần nữa, khẳng định chân lý tưởng đã bị vượt qua bởi sự phát triển của khoa học và xã hội: *tư duy trừu tượng* là năng lực duy nhất của con người không thể bị thay thế. Các khoa học cụ thể, do đặc thù của lĩnh vực, của ngành nghiên cứu, không thể cung cấp khả năng trừu tượng và hệ thống ở tầng bậc phổ quát nhất. Chỉ có triết học, bằng những nội dung tri thức đặc biệt của mình, mới là khoa học có thể đảm trách nhiệm vụ này.

Như vậy, triết học không phải là khoa học đưa ra những lời giải cụ thể, cũng không cung cấp cho người ta cách thức để tìm ra các lời giải cụ thể. Đó là khoa học *cung cấp cho người ta năng lực tư duy trừu tượng* để tùy vào các lĩnh vực cụ thể mà các khoa học tìm ra chân lý của mình. Cái năng lực tư duy trừu tượng đó khó có thể đong đếm bằng những định lượng về tính hiệu quả, tính xác định..., nhưng nếu thiếu nó, cái mà người ta nhận được chỉ là sự thất bại trong hoạt động thực tiễn, hệ quả của sự thất bại trong nhận thức.

Vậy, nội dung của năng lực tư duy trừu tượng đó là gì? Lâu nay, chúng ta vẫn quan niệm đó là việc xác định được *thế giới quan* (quan niệm về thế giới và vai trò, vị trí của con người trong thế giới) và *phương pháp luận* (cách thức hành động đúng đắn trên cơ sở của nhận thức) trong hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới. Vấn đề đặt ra ở đây là, cái gì sẽ giúp người ta có được quan niệm đúng đắn và từ đó hành động có hiệu quả, tức là *cái có trước cả thế giới quan và phương pháp luận*? Đó dường như mới là cái mà người ta cần và chỉ có thể tìm thấy ở triết học.

Theo tôi, năng lực tư duy trừu tượng mà triết học cung cấp chính là những khả năng, như thấy được cái bản chất thông qua những hiện tượng; tìm được tính tất nhiên thông qua vô vàn những ngẫu nhiên phong phú; chỉ ra được những nguyên nhân đích thực của những kết quả đang hiện tồn; phát hiện tính quy luật của sự vận động hỗn mang; sự thích ứng nhanh và tự điều chỉnh của khả năng nhận thức... Tóm lại, *nó là tất cả những gì mà trên cơ sở lĩnh hội từ các tri thức triết học, những năng lực đó được nảy ra*. Chính nhờ những năng lực trừu tượng và khái quát hoá đặc trưng này mà khoa học triết học mới liên tục tạo ra những diện mạo mới về mặt nhận thức trên con đường nhận thức và cải tạo thế giới. Cũng chẳng thể và không nên liệt kê ra những vấn đề mà triết học có thể giải quyết, bởi nó sẽ luôn xảy ra 3 khả năng: thiếu, thừa, hoặc "lấn" sang các khoa học khác. Khi có được năng lực tư duy trừu tượng, con người tự khắc lý giải để từ đó có thể giải quyết được những vấn đề đã, đang và sẽ đặt ra. Sự thích ứng nhanh chóng của nhận thức trước sự biến đổi của hiện thực cũng là sự thể hiện năng lực của tư duy trừu tượng.

Người ta cũng thường tranh luận rằng, cái để phân biệt các nhà duy vật với các nhà duy tâm chính là việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học từ cách tiếp cận nào: vật chất hay ý thức có trước. Nhưng, thực ra, cái quan trọng hơn để nói lên điểm khác biệt của họ là ở chỗ, những điều họ lý giải có cơ sở từ những luận chứng trong các sự kiện thực tế không? Nghĩa là có cái để kiểm nghiệm những chiêm nghiệm của mình về thế giới không? Và, theo đó, sự phù hợp của nhận thức với khách thể mà mình phản ánh được xem là chân lý. Tôi không nghĩ thế. Điều mà chúng ta biết về hiện thực luôn luôn chỉ là “thế giới được nhận thức”, nó không bao giờ có thể tách thoát được khỏi tính chủ quan của nhận thức, cho dù đó là sự phản ánh phù hợp nhất với hiện thực khách quan đang có. Còn thế giới khách quan “tự nó” sẽ mãi là một bí ẩn để khơi nguồn cảm hứng cho sự phát triển và sáng tạo của nhận thức. Nghĩa là từ 2 hệ chuẩn hoàn toàn khác nhau mà mỗi trong số những quan niệm đó đều chưa đưa ra được những dữ kiện phù hợp nhất để thể hiện sự thuyết phục và thắng thế của mình. Đó phải chăng là lý do mà chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm vẫn luôn song hành phát triển trong suốt chiều dài của lịch sử triết học cho đến tận ngày nay, bởi giữa họ có một điểm chung, đó là năng lực tư duy trừu tượng trong quá trình giải thích thế giới.

Cũng còn một thực tiễn khác là, trong những chiêm nghiệm về sự nhận thức đối với hiện thực, mặc dù có thể không muốn (nhất là với các nhà tư tưởng tư sản không cùng ý thức hệ), nhưng mỗi khi thế giới có những biến động mang tính sự kiện thì người ta lại lật giở lại những tư tưởng kinh điển của triết học Mác để đối chiếu, so sánh và thử tìm cách lý giải. Sự khủng hoảng tài chính năm 2008 và sự trở lại nghiên cứu bộ

Tư bản của C.Mác là một ví dụ. Điều này chứng tỏ một chân lý khách quan không thể bác bỏ để giải thích sự thắng thế của các quan niệm duy vật biện chứng của C.Mác trong từng giai đoạn xác định, bởi thực tiễn được dùng để kiểm chứng luôn đem lại sự khẳng định về tính đúng đắn ở tầm lý luận, trong sự phát triển và bổ sung của học thuyết này.

Thứ hai, triết học là khoa học cung cấp nội dung những tri thức triết học; nhờ đó, tư duy con người có thể tạo ra một trí tưởng tượng tích cực trong hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới.

Tại sao không phải là phản ánh, mà lại là sự tưởng tượng?

Bởi, tôi thực sự thú vị và cảm thấy đồng thuận khi đọc được một trong những nghiên cứu về mặt sinh học gần đây nhất cho thấy, những hoạt động của bộ não (mà trước hết được nghiên cứu ở động vật) không hẳn là sự phản ánh, mà là sự tưởng tượng ra thế giới thông qua khả năng giải mã thực tế của não. Có tới 80% những gì chúng ta nhìn thấy bắt nguồn từ tư duy nội tại, trong khi chỉ 20% là từ thực tế(5). Đây có thể chỉ là một giả thuyết khoa học, nhưng đúng là sự “di chuyển” của hiện thực khách quan vào đầu óc con người và được “cải biến” như thế nào trong đó vẫn còn là một ẩn số mà sự lý giải từ trước đến nay của chúng ta về vấn đề này vẫn chỉ là phỏng đoán. (Về phần này tôi đã có bài viết *Thêm một cách hiểu duy vật về tư duy*). Trí tưởng tượng này không phải là sự tưởng tượng một cách duy tâm, tách khỏi sự tồn tại của đối tượng mà nhận thức phản ánh. Trong đó, *một mặt*, nó dựa vào việc nhận thức được tính quy luật trong sự tồn tại và phát triển của đối tượng (sự tồn tại và biến

(5)Xem: *Chúng ta không nhìn, mà tưởng tượng thế giới*. Thuận An (theo ABC). <http://www.> chúng ta.

đổi tất yếu của đối tượng), trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các khoa học cụ thể; *mặt khác*, quan trọng hơn là nó phải dựa vào chính năng lực của nhận thức, vào sự mừng tượng ra thế giới theo đúng cách mà thế giới đang tồn tại. Phải chăng trong sự tư biện của mình, tư duy thiên tài của Hêghen vẫn có giá trị bởi chính năng lực tưởng tượng trừu tượng đó?

Dự báo về sự tồn tại và phát triển của đối tượng thật không dễ, ngay cả trên nền tảng của những tri thức đã biết về đối tượng. Nhân loại đã và đang có nhiều cách luận giải khác nhau về tương lai của đối tượng. Có những quan điểm (có thể vì hy vọng và mong muốn, cũng có thể vì không nhận thức được gì hơn) nghĩ rằng, tương lai là sự tiếp tục của quá khứ. Bởi vậy, những giá trị của quá khứ đều có thể ảnh hưởng và chi phối tương lai. Những quan điểm khác (bị chi phối bởi yếu tố tôn giáo, tâm lý và nhiều khi chỉ đơn thuần bị tác động bởi các sự kiện đang diễn ra ở hiện tại) cho rằng, không có tương lai, xã hội loài người đang bước những bước cuối cùng tới sự huỷ diệt. Sự lý giải của loại quan điểm thứ ba có vẻ lạc quan và hợp lý hơn cả, bởi nó ra đời từ khả năng tư duy trừu tượng, khi đã vượt ra khỏi sự quan sát những hiện tượng bề ngoài, đơn lẻ, không tất yếu..., cho rằng, mọi sự thay đổi trong hiện thực, gồm cả con người và năng lực tư duy của nó, là một tồn tại tất yếu đã có sự chuẩn bị từ trong quá khứ và chắc chắn sẽ tiến bộ hơn hiện tại. Những đoán định đó thậm chí còn có thể mô tả tương lai trong tính chi tiết và cụ thể của nó. Để nhận thức được điều đó, ngoài tri thức, người ta còn phải có công cụ: "Một khi chúng ta hiểu rằng một cuộc đấu tranh gay gắt hiện đang nổi lên một cách quyết liệt..., chúng ta sẽ có một chìa khoá mới, mạnh mẽ để nhận thức thế giới... Song để sử dụng công cụ đó, chúng ta phải có

khả năng phân biệt rõ ràng sự thay đổi..., phải hiểu cả cái cũ lẫn cái mới..."(6).

Như vậy, trí tưởng tượng có được trước hết phải dựa trên cơ sở nắm được những tri thức triết học để biết rằng, mọi kết quả đều có nguyên nhân, nhưng không phải mọi sự kiện đều có thể tìm được nguyên nhân của nó. Ví như đến một ngày người ta không thể dùng quan hệ nhân quả để giải thích các sự kiện thì lúc đó, chỉ có năng lực trừu tượng của những suy tư triết học mới có thể và cần phải tưởng tượng ra một chìa khoá vạn năng mới nhằm giải thích và hành động cho phù hợp với hiện thực, chẳng hạn, trong trường hợp trên, cái cần tìm kiếm phải là một quy luật rộng hơn tính nhân quả...

Tóm lại, triết học cung cấp cho con người *năng lực tư duy trừu tượng và khả năng tưởng tượng ra thế giới* trong hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới. Để có được điều này, trước hết người ta cần và phải có sự tích lũy tri thức, đặc biệt là dựa trên kết quả của các khoa học cụ thể. Nhưng phép cộng giản đơn trong các thành tựu của khoa học cụ thể tự nó lại không thể tạo thành năng lực tư duy trừu tượng. Đó là lý do các khoa học cụ thể không thể thay thế cho triết học và triết học cũng không thể làm được công việc của các khoa học cụ thể. Chính *nội dung của những tri thức triết học và chỉ có nó mới làm sản sinh trong năng lực nhận thức của con người cách suy nghĩ và hành động phù hợp với hiện thực được phản ánh*.

Đó là lý do giải thích tại sao người ta cần đến triết học.□

(6) Alvin Toffler. *Đợt sóng thứ ba*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội, 2007. tr.73.74.